

Số: **154**/BC-UBND

Duy Tiên, ngày **21** tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO

**Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn
nông thôn mới cho xã Duy Hải năm 2017**

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc ban hành “Quy định phương pháp đánh giá, chấm điểm các tiêu chí công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới tỉnh Hà Nam giai đoạn 2016-2020”;

Căn cứ đề nghị của UBND xã Duy Hải tại Tờ trình số **27**/TTr-UBND ngày **08**/8/2017 về việc thẩm tra, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017.

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã, UBND huyện Duy Tiên báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho xã Duy Hải năm 2017 cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

2.1. Tiêu chí 1: Quy hoạch và thực hiện quy hoạch

a. Yêu cầu của tiêu chí là:

- Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn.

- Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

b. Kết quả thực hiện:

Xã đã tổ chức rà soát, đánh giá hiện trạng nông thôn theo Bộ tiêu chí Quốc gia về Xây dựng Nông thôn mới (XDNTM), xây dựng Quy hoạch và Đề án

XDNTM, sau đó mở hội nghị triển khai, thảo luận tại xã và tại 5 đơn vị thôn xóm, công khai dân chủ xin ý kiến tham gia đóng góp của nhân dân cũng như tham khảo ý kiến của các phòng ban chuyên môn của huyện để hoàn thiện Quy hoạch và đề án XDNTM của xã.

Đến tháng 12/2011, UBND huyện đã phê duyệt Quy hoạch và Đề án xây dựng nông thôn mới của xã Duy Hải giai đoạn 2011-2020 tại Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 14/12/2011 về phê duyệt Quy hoạch XDNTM xã Duy Hải và tại Quyết định số 4927/QĐ-UBND ngày 21/12/2011 về phê duyệt đề án XDNTM giai đoạn 2011-2020 của xã Duy Hải.

Đảng ủy, UBND xã, Ban chỉ đạo XDNTM của xã tổ chức các hội nghị họp Ban chấp hành Đảng bộ xã, UBND xã, hội nghị quân dân chính xã, hội nghị các chi bộ và họp nhân dân để công khai Quy hoạch XDNTM. Ban quản lý xây dựng nông thôn mới của xã đã tiến hành việc cắm mốc, phổ biến công khai quy hoạch và thực hiện việc quản lý quy hoạch đảm bảo theo quy định.

Việc thực hiện quy hoạch nông thôn của xã, đặc biệt là quy hoạch phát triển sản xuất: Căn cứ vào quy hoạch được duyệt, Ban chỉ đạo, Ban quản lý XDNTM của xã đã chỉ đạo việc tổ chức thực hiện quy hoạch như: quy hoạch bờ vùng bờ thửa, khu sản xuất đa canh, vùng trồng rau hữu cơ, vùng trồng cây ăn quả...

Xây dựng, ban hành Quy chế quản lý Quy hoạch được UBND huyện Duy Tiên phê duyệt theo Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 30/9/2016.

Tổng kinh phí thực hiện quy hoạch là 120 triệu đồng. Trong đó ngân sách tỉnh, huyện là 120 triệu.

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Đạt

2.2. Tiêu chí 2: Giao thông

a. Yêu cầu của tiêu chí là:

- Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

- Đường trục thôn, xóm và đường liên thôn, xóm ít nhất được cứng hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

- Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa.

- Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.

b. Kết quả thực hiện:

Từ sự đồng tình, ủng hộ của người dân, sau 6 năm triển khai xây dựng nông thôn mới, toàn xã đã tiếp nhận được 1.032,42 tấn xi măng của tỉnh hỗ trợ 1.804m³ đá nền; tuyên truyền, vận động nhân dân đóng góp 2,642 triệu đồng và hàng trăm ngày công lao động, 10 hộ đã hiến 167 m² đất ở, đất vườn trong khu dân cư cụ thể:

- + Đường trục xã: Hiện nay xã đã đạt chuẩn được 3,6/3,6 km đạt 100 %

- + 100% km đường trục thôn được xây dựng, cứng hoá đạt chuẩn theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ GTVT với tổng số 5,35/5,35 km.

+ Số km đường ngõ xóm được xây dựng, nâng cấp đạt chuẩn sau khi thực hiện xây dựng NTM: 5,87/5,87 km (đã đạt 100% đường ngõ xóm sạch, không lầy lội vào mùa mưa).

+ Số km đường trục chính nội đồng được xây dựng, nâng cấp đạt chuẩn sau khi thực hiện xây dựng NTM: 2.66/2,66 km đạt 100%.

Triển khai quy hoạch lại đồng ruộng, tiến hành đào đắp mở rộng nền đường trục chính nội đồng là 8681m³ để tạo điều kiện thuận lợi cho việc dồn đổi ruộng đất (ĐĐRD) Nông nghiệp trên địa bàn xã.

* Tổng kinh phí đã thực hiện cho việc xây dựng mới, nâng cấp mở rộng các tuyến đường giao thông là 4,077 triệu đồng, trong đó:

Nguồn ngân sách tỉnh: 1,168 triệu đồng

Nguồn ngân sách xã: 40 triệu đồng

Vốn lồng ghép: 0 triệu đồng

Vốn doanh nghiệp: 0 triệu đồng

Nguồn vốn dân đóng góp: 2,642 triệu đồng

Vốn khác: 227 triệu đồng

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Đạt

2.3. Tiêu chí 3: Thủy lợi

a. Yêu cầu của tiêu chí là:

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên.

- Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

b. Kết quả thực hiện:

- Hệ thống thủy lợi: Toàn xã đã tiến hành nạo vét kênh mương thủy lợi nội đồng với khối lượng là 16.017 m³, giải tỏa thường xuyên 23.367 m³, xây mang cống ở 10 vị trí, xây cầu thoáng ở 2 vị trí để tạo điều kiện thuận lợi cho việc ĐĐRD Nông nghiệp trên địa bàn xã.

Tổng kinh phí đào đắp mở rộng nền đường trục chính nội đồng và nạo vét kênh mương với tổng kinh phí là 701 triệu đồng.

- Về kiên cố hóa kênh mương: Phần lớn diện tích đất sản xuất nông nghiệp của Duy Hải nằm trong các dự án quy hoạch sử dụng đất, vì vậy chỉ tiêu kiên cố hóa kênh mương không nhất thiết phải thực hiện.

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Đạt

2.4. Tiêu chí 4: Điện

a. Yêu cầu của tiêu chí là:

- Hệ thống điện đạt chuẩn

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.

b. Kết quả thực hiện:

Năm 2013 đã bàn giao hệ thống lưới điện cho ngành điện quản lý, bán điện trực tiến đến các hộ dân, đã đảm bảo cung cấp điện cho sản xuất và sinh hoạt. Hiện

nay trên địa bàn xã có 1824/1824 hộ được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn. Hệ thống điện đảm bảo trên 95% yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Đạt

2.5. Tiêu chí 5: Trường học

a. Yêu cầu của tiêu chí là: Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn Quốc gia.

b. Kết quả thực hiện:

- Trường Mầm non: Xã đã thực hiện mở rộng khuôn viên theo quy hoạch XDNTM đã được phê duyệt, mua sắm bàn ghế và các trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học của nhà trường. Tiến hành xây dựng các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non. Đến nay trường mầm non đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

- Trường Tiểu học: Xã thường xuyên mua sắm, lắp đặt thiết bị bàn ghế và các trang thiết bị khác phục vụ cho việc dạy. Năm 2017 xã tiếp tục xây dựng mới 8 phòng học và nhà chức năng của nhà trường nhằm đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn II.

- Trường THCS: Xã đã tiến hành sửa chữa quét vôi ve các phòng học, phòng chức năng. Sửa chữa, thay thế hệ thống cửa sổ, cửa ra vào dãy nhà 12 phòng. Đồng thời tiến hành mua sắm, lắp đặt thiết bị bàn ghế và các trang thiết bị khác phục vụ cho việc dạy, học của nhà trường. Tiếp tục xây dựng nhà lớp học và các phòng chức năng phấn đấu đạt chuẩn Quốc gia vào năm 2018. (chưa đạt)

Đến nay xã đã đạt 2 chỉ tiêu: Tỷ lệ trường học mầm non, mẫu giáo, tiểu học có cơ sở vật chất đạt chuẩn Quốc gia. Tổng kinh phí huy động để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học của 3 nhà trường là: 45.436 triệu đồng. Trong đó:

+ Nguồn ngân sách tỉnh, huyện: 15.632 triệu đồng;

+ Nguồn ngân sách xã : 24.066 triệu đồng;

+ Nguồn khác: 5.738 triệu đồng;

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Chưa đạt

2.6. Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa

a. Yêu cầu của tiêu chí là:

- Xã có Nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa thể thao của toàn xã.

- Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.

- Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng.

b. Kết quả thực hiện:

- Nhà văn hóa và khu thể thao xã:

Nhà Văn hoá xã: xã chưa có nhà văn hoá trung tâm xã tuy nhiên khi trụ sở mới UBND xã hoàn thành, địa điểm sinh hoạt văn hóa được tổ chức tại vị trí trụ sở cũ với hội trường UBND xã với 200 ghế ngồi với 12 phòng nhỏ để tổ chức các hội nghị, học tập ...

- Nhà văn hoá thôn và khu thể thao thôn: Toàn xã có 04 thôn có nhà văn hóa sử dụng riêng, 01 thôn sinh hoạt chung với đình làng. Các khu thể thao của thôn đều đảm bảo hoạt động thể thao của nhân dân trong thôn.

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Đạt

2.7. Tiêu chí 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a. Yêu cầu của tiêu chí là: Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa.

b. Kết quả thực hiện: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (*chợ*): xã không nằm trong mạng lưới quy hoạch chợ nông thôn do xã gần trung tâm thị trấn Đồng Văn, gần chợ Đại, chợ Duy Minh, các trung tâm buôn bán khác.

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Đạt.

2.8. Tiêu chí 8: Thông tin và truyền thông

a. Yêu cầu của tiêu chí là:

- Xã có điểm phục vụ Bưu chính.
- Xã có dịch vụ viễn thông, Internet.
- Xã có Đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn.
- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

b. Kết quả thực hiện: Trên địa bàn xã có bưu điện văn hoá xã với diện tích là 297 m², 01 trung tâm bưu chính viễn thông, có 01 điểm truy cập Internet công cộng và có Internet đến tất cả các công sở, thôn xóm (đạt 100%); trang bị hệ thống loa truyền thanh không dây phủ sóng 5/5 thôn tạo điều kiện thuận tiện cho nhân dân trong việc khai thác và truy cập thông tin.

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Đạt.

2.9. Tiêu chí 9: Nhà ở dân cư

a. Yêu cầu của tiêu chí là:

- Không có nhà tạm, dột nát;
- 90% hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng.

b. Kết quả thực hiện: Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn theo quy định là 1672/1824 hộ = 91,7% số gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn bộ xây dựng. Trong các năm từ 2011-2016 đã xoá 05 nhà tạm, nhà không an toàn; hiện không có nhà dột nát.

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Đạt.

2.10. Tiêu chí 10: Thu nhập

a. Yêu cầu của tiêu chí là: Thu nhập bình quân đầu người/năm đến hết năm 2017 đạt 37 triệu đồng/người/năm.

b. Kết quả thực hiện: Trong những năm qua, Đảng uỷ, UBND xã đã tập trung chỉ đạo công tác phát triển sản xuất. Tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, tham gia tích cực vào các phong trào cải tạo vườn tạo, phát triển kinh tế gia đình, xây dựng các mô hình sản xuất hàng hóa có giá trị kinh tế cao góp phần làm cải thiện đời sống vật chất, nâng cao thu nhập, giảm hộ nghèo

cho người dân trên địa bàn xã. Kết quả thực hiện các chương trình, đề án, mô hình phát triển sản xuất, cụ thể:

+ Xây dựng được 21 mô hình chăn nuôi lợn trên nền đệm lót sinh học. Đối với mô hình chăn nuôi lợn trên nền đệm lót sinh học, ngoài cơ chế hỗ trợ của tỉnh, của huyện, UBND xã và HTXDVNN còn hỗ trợ thêm 1 triệu đồng/1 mô hình.

+ Công tác dồn đổi ruộng đất: Đến nay toàn xã đã có 4/5 đơn vị thôn xóm đã hoàn thành việc dồn đổi ruộng đất nông nghiệp. Tổng diện tích tham gia dồn đổi là: 233,1/292,2 ha, số hộ tham gia ĐĐRD 1159/1490 hộ. Trung bình số thửa mỗi hộ sau dồn đổi từ 1 - 2 thửa. Hiện nay, các tiểu ban ĐĐRD của xã đã hoàn thiện hồ sơ địa chính để trình UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp ngoài đồng cho nhân dân.

+ Công tác cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp: Từ khi triển khai Đề án xây dựng NTM đến nay, trên địa bàn toàn xã đã mua 01 máy làm đất.

Thu nhập bình quân/người tính đến 31 tháng 7 năm 2017 đạt: 38,2 triệu đồng/người.

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Đạt.

2.11. Tiêu chí 11: Hộ nghèo

a. Yêu cầu của tiêu chí là: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 dưới 2%.

b. Kết quả thực hiện: Tuyên truyền phổ biến những kinh nghiệm, những mô hình làm ăn giỏi, tạo điều kiện cho các hộ nghèo vay vốn với lãi suất ưu đãi, động viên hộ nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững. Năm 2011, hộ nghèo trong toàn xã là chiếm 10,21%, thực hiện Chương trình MTQG về XDNTM, đến hết năm 2016 chiếm tỷ lệ là 2,04%, tính đến tháng 7 năm 2017 chiếm tỷ lệ 1,57 %.

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Đạt

2.12. Tiêu chí 12: Lao động có việc làm

a. Yêu cầu của tiêu chí là: Tỷ lệ người làm việc trên dân số trong độ tuổi lao động đạt từ 90% trở lên.

b. Kết quả thực hiện: Phối hợp với các công ty, doanh nghiệp trong khu công nghiệp Đồng Văn, khu công nghiệp Hòa Mạc thông báo tuyển chọn lao động cử đi đào tạo và nhận về làm việc. Bình quân hàng năm giải quyết việc làm mới 450 lao động. Lao động có việc làm thường xuyên trong xã đạt 91,3%.

Công tác đào tạo nghề được Đảng ủy, UBND xã chú trọng tuyên truyền, tổ chức thực hiện. Hiện tại có một số cơ sở sản xuất may mặc trong xã tiến hành xây dựng dự án đào tạo nghề may mặc, số lao động được đào tạo trên 50 lao động; sau khi đào tạo số lao động này đã có việc làm ổn định. Công tác đào tạo nghề, hướng dẫn phát triển các ngành nghề dịch vụ đã tạo điều kiện cho phân luồng sử dụng số lao động tại địa phương; tính đến 31/12/2016 trong xã có 3850 lao động trong độ tuổi; trong đó LĐ tham gia lĩnh vực xây dựng công nghiệp, TTCN, xây dựng = 754; LĐ tham gia các hoạt động dịch vụ = 2095. LĐ tham gia SXNN = 946.

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Đạt

2.13. Tiêu chí 13: Tổ chức sản xuất

a. Yêu cầu của tiêu chí là:

- Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012
- Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền

vững

b. Kết quả thực hiện: Xã Duy Hải có 01 tổ chức kinh tế tập thể HTXDVNN đã và đang hoạt động có hiệu quả. Đã thực hiện tốt các khâu dịch vụ thiết yếu đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất cây trồng chính của xã, mở rộng quy mô và chất lượng các loại hình dịch vụ nâng cao uy tín và độ tin cậy của xã viên đối với HTX.

Tổ chức ký hợp đồng mô hình liên kết chăn nuôi với trung tâm nghiên cứu gia cầm Đại Xuyên. Qua tổng kết đánh giá hàng năm khâu dịch vụ đều có lãi và bổ sung vốn quỹ vào quỹ của HTX.

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Đạt

2.14. Tiêu chí 14: Giáo dục và đào tạo

a. Yêu cầu của tiêu chí là:

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở đạt;

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) đạt $\geq 90\%$;

- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo: đạt $\geq 45\%$.

b. Kết quả thực hiện: Xã Duy Hải hiện có 2 nhà trường đạt chuẩn Quốc gia, trong đó trường Mầm non đã đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ II. Trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ I. Xã đã hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục trung học theo độ tuổi. Tỷ lệ phổ cập giáo dục THCS theo quy chuẩn của Bộ GD&ĐT đạt 99,56%.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) đạt 100%

- Tỷ lệ lao động được đào tạo đạt 46,2%

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Đạt

2.15. Tiêu chí 15: Y tế

a. Yêu cầu của tiêu chí là:

- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 85% trở lên

- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi): $\leq 13,9\%$.

b. Kết quả thực hiện:

- Cơ sở vật chất y tế: Xây mới 01 trạm y tế xã 2 tầng với 15 phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ với tổng kinh phí xây dựng 9.858 triệu đồng đảm bảo khang trang đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh ban đầu cho nhân dân trên địa bàn xã. Hiện nay trạm y tế xã đang triển khai thi công và sẽ hoàn thành trong năm 2018.

- Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân: Trạm y tế thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân thông qua việc khám và điều trị ngoại trú hàng năm là 4098 lượt người. Làm tốt công tác y tế dự phòng. Tổ chức uống Vitamin A và tiêm phòng 6 bệnh truyền nhiễm cho các cháu trong độ tuổi đạt 100%.

- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng theo thể thấp còi là: 11,1%

- Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế 4498/5123 người = 88%

- Tổng kinh phí đã thực hiện cho tiêu chí y tế là 9.858 trong đó:

+ Nguồn ngân sách tỉnh, huyện: 600 triệu đồng;

+ Nguồn ngân sách xã : 9.258 triệu đồng.

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Chưa đạt (*Chỉ tiêu xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế chưa đạt*)

2.16. Tiêu chí 16: Văn hóa

a. Yêu cầu của tiêu chí là: Xã có từ 70% thôn trở lên đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định của Bộ VH, TT và Du lịch.

b. Kết quả thực hiện: Công tác quản lý Nhà nước về văn hóa tiếp tục được tăng cường đạt hiệu quả thiết thực. Các hoạt động văn hóa, tôn giáo tín ngưỡng được thực hiện nghiêm túc. Triển khai thực hiện tốt cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư". Hiện nay toàn xã có 5/5 thôn xóm được công nhận làng văn hoá có 1687/1838 hộ đạt gia đình văn hoá, đạt 91,8%.

Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng đã thu hút đông đảo nhiều đối tượng, nhiều lứa tuổi tham gia tập luyện một cách tự giác, điển hình là các môn: thể dục dưỡng sinh, đi bộ, cầu lông, bóng chuyền hơi, cờ tướng. Tỷ lệ người tham gia luyện tập TDTT thường xuyên đạt 35%.

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Đạt

2.17. Tiêu chí 17: Môi trường

a. Yêu cầu của tiêu chí là:

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định $\geq 98\%$;

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường 100%;

- Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn;

- Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch;

- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định;

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt 90 %;

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường 80%;

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm 100%.

b. Kết quả thực hiện:

- *Tiêu chí 17.1. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch hợp vệ sinh đạt theo quy chuẩn:* Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh là 1262/1278 (hộ có mặt tại địa phương) = 98,7%.

- *Tiêu chí 17.2. Các cơ sở sản xuất - kinh doanh và dịch vụ xử lý chất thải đạt quy chuẩn về môi trường:* Tất cả các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đều đã ký cam kết về bảo vệ sinh môi trường.

- *Tiêu chí 17.3. Xây dựng cảnh quan môi trường xanh- sạch- đẹp- an toàn:* Tập trung vận động nhân dân trồng cây xanh, cải tạo vườn tạp và từng hộ xây dựng cảnh quan môi trường, hàng rào, vệ sinh theo hướng xanh, sạch, đẹp; không có hoạt động gây suy giảm môi trường.

- *Tiêu chí 17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch:* Toàn xã có 05 nghĩa trang nhân dân và một nghĩa trang liệt sỹ, các nghĩa trang đều được hình thành từ lâu, việc quản lý còn gặp nhiều khó khăn. Xã đã xây dựng quy chế quản lý nghĩa trang, hiện đang trình UBND huyện phê duyệt để thực hiện việc quản lý, chôn cất theo quy định.

- *Tiêu chí 17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất- kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.*

+ *Về rác thải:* Tuyên truyền vận động dân xử lý rác thải sinh hoạt bằng cách như phân ra từng loại rác, đào hố bỏ rác vào khi đầy lấp đất lại. UBND xã xây dựng 1 bể chứa rác thải đúng quy định. Hàng tháng theo các ngày định kỳ, các thôn tổ chức thu gom và vận chuyển về bể chứa rác tập trung của xã; hợp đồng với công ty Ba An, hàng tuần chở rác thải sinh hoạt từ 1 bể chứa rác đến nhà máy chế biến rác tại xã Duy Minh để xử lý. Hội phụ nữ xã đã xây dựng được 5 mô hình phân loại chất thải ở 5 thôn xóm.

+ *Về nước thải:* Hướng ứng phong trào xây dựng nông thôn mới, các thôn xóm đã xây dựng rãnh thoát nước khu dân cư. Hiện nay, nước thải sinh hoạt của các hộ gia đình được thải trực tiếp ra rãnh thoát nước trong khu dân cư và ra các ao, hồ, đầm, kênh mương.

- *Tiêu chí 17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch:* Nhằm đảm bảo vệ sinh, an toàn UBND xã đã chỉ đạo cho trạm y tế tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn người dân trong xã sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh tránh dịch bệnh thông qua nguồn nước. Hiện nay toàn xã có 1262/1278 hộ sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh, có 1078 hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh, 859 hộ có bể nước mưa, 1209 hộ có nhà tắm hợp vệ sinh.

- *Tiêu chí 17. 7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường:* 100% các hộ gia đình chăn nuôi có chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường, UBND xã tổ chức cho các hộ ký cam kết chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.

- *Tiêu chí 17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: 100% các hộ sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định của nhà nước về ATTP*

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Đạt

2.18. Tiêu chí 18: Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

a. Yêu cầu của tiêu chí là:

- 100% cán bộ xã đạt chuẩn;
- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định;
- Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”;
- Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên.
- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.
- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội

b. Kết quả thực hiện:

Công tác bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức xã thường xuyên được quan tâm. Từ năm 2011 đến nay, UBND xã đã tạo điều kiện cho 06 đồng chí đã và đang theo học trình độ hệ đại học, tổ chức cho 05 đồng chí cán bộ tham gia lớp công nghệ thông tin nâng cao, 10 đồng chí theo học lớp trung cấp chính trị - hành chính. Nhìn chung đội ngũ cán bộ, công chức của xã đã cơ bản đạt chuẩn theo quy định.

Xã có đủ tổ chức trong hệ thống chính trị bao gồm: Đảng ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQVN, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh. Hệ thống chính trị ổn định, vững mạnh, luôn được củng cố và tăng cường đảm bảo an ninh nông thôn, đảm bảo ổn định để phát triển kinh tế. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể của xã có các chi hội, chi đoàn và các hội viên, đoàn viên tích cực tham gia vào phong trào xây dựng nông thôn mới và trong nhiều năm, các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến và tiên tiến xuất sắc.

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Đạt

2.19. Tiêu chí 19: An ninh trật tự xã hội

a. Yêu cầu của tiêu chí là:

- Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.
- Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.

b. Kết quả thực hiện: Hàng năm, Đảng ủy có xây dựng Nghị quyết, UBND có kế hoạch về dân quân tự vệ, công tác đảm bảo an ninh trật tự; đồng thời tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, biện pháp đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và tổ chức tốt ngày Hội “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”. Tình hình an ninh chính trị, TTATXH trên địa bàn xã luôn được giữ vững.

Ban công an xã luôn làm tốt công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng. Phối kết hợp trong khối nội chính, tổ chức tuần tra, đảm bảo trật tự trị an, an toàn xã hội cho nhân dân trong xã. Tập trung giải quyết tệ nạn xã hội như: ma túy, cờ bạc, sù đề... thu được nhiều kết quả tốt.

Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm có sơ, tổng kết đánh giá kết quả đạt được, rút ra những kinh nghiệm và đề ra phương hướng trong thời gian tới, cử cán bộ, công an viên đi đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Hàng năm Ban công an xã đều được Công an huyện Duy Tiên tặng giấy khen về phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.

c. So sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia: Đạt

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới (có bảng chi tiết kèm theo)

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ: Đảm bảo theo yêu cầu

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

- Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã Duy Hải đã được UBND huyện Duy Tiên thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là: 17/19 tiêu chí, đạt 89,5%; 47/49 chỉ tiêu. Các tiêu chí đạt gồm: Quy hoạch; Giao thông; Thuỷ lợi; Điện; Cơ sở vật chất văn hoá; Cơ sở HT-TM nông thôn; Thông tin và truyền thông; Nhà ở dân cư; Thu nhập; Hộ nghèo; Lao động có việc làm; Tổ chức sản xuất; Giáo dục và đào tạo; Văn hoá; Môi trường và an toàn thực phẩm; Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật; Quốc phòng và an ninh.

- Kết quả chấm điểm theo Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc ban hành “Quy định phương pháp đánh giá, chấm điểm các tiêu chí công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới tỉnh Hà Nam giai đoạn 2016-2020” Xã Duy Hải đạt 97/100 điểm (có biểu chi tiết kèm theo).

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới:
Đảm bảo yêu cầu.

III. KIẾN NGHỊ

Căn cứ kết quả xây dựng NTM xã Duy Hải, Ban chỉ đạo xây dựng NTM huyện đề nghị UBND tỉnh thành lập đoàn thẩm định để thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí và thành lập hội đồng thẩm định xét, công nhận xã Duy Hải đạt chuẩn NTM năm 2017./.

Nơi nhận:

- BCĐ XD NTM tỉnh Hà Nam;
- Văn phòng điều phối XD NTM tỉnh;
- BCĐ XD NTM huyện;
- Lưu: VT, NN&PTNT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Văn Liên

BẢNG ĐÁNH GIÁ CHẤM ĐIỂM CỦA XÃ DUY HẢI
(kèm theo Báo cáo số 154/BC-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2017)

TTT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm của xã	Kết quả thẩm tra
I. QUY HOẠCH				8	8	8
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	4	4	4
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	4	4	4
		- Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đạt	2	2	2
		- Hoàn thành cắm mốc ngoài thực địa và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	2	2	2
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI				36	35	35
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	3	3	3
			70-<100%	2		
			50-<70%	1		
		2.2. Đường trục thôn, xóm và đường liên thôn, xóm ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	3	3	3
			80-<100%	2		
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	100% cứng hóa	2	2	2
		2.4. Đường trục chính nội đồng được cứng hóa và đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	100% 70-<100%	2 1	2	2
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	≥80%	2	2	2
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	2	2	2
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	2	2	2
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥99%	1	1	1
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	100%	4		
		5.1. Tỷ lệ trường mầm non, mẫu giáo có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	Đạt	2	2	2
		5.2. Tỷ lệ trường tiểu học có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	Đạt	1	1	1
		5.3. Tỷ lệ trường học THCS có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia				

TTT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm của xã	Kết quả thẩm tra
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt	2	2	2
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt	1	1	1
		6.3. Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	2	2	2
			80-<100%	1		
7	Cơ sở HT-TM nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt	2	2	2
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	1	1	1
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt	1	1	1
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Đạt	1	1	1
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt	1	1	1
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	2	2	2
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	≥90%	2	2	2
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT				16	16	16
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2017 (triệu đồng/người)	37 tr.đ	4	4	4
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	≤2%	4	4	4
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥ 90%	4	4	4
			80-<90%	2		
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt	2	2	2
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	2	2	2
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG				30	28	28
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt	2	2	2
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	≥90%	2	2	2
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥45%	4	4	4
			40-<45%	3		
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	≥85%	2	2	2
			75-<85%	1		
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	2	0	0
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp	≤13,9%	2	2	2

TTT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm của xã	Kết quả thẩm tra
16	Văn hoá	Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	≥70%	5	5	5
			50%-<70%	3		
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	≥98% (≥65% nước sạch)	2	2	2
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	1	1	1
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	2	2	2
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	1	1	1
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt	2	2	2
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥90%	1	1	1
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥80%	1	1	1
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	1	1	1
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ				10	10	10
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	1	1	1
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	1	1	1
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt	2	2	2
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	100%	2	2	2
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	1	1	1
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt	1	1	1
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	1	1	1
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt	1	1	1
Tổng cộng				100	97	97

BIỂU TỔNG HỢP NỢ ĐÓNG VÀ KẾ HOẠCH XỬ LÝ NỢ ĐÓNG NĂM 2017 XÃ DUY HẢI
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 8 năm 2017)

STT	Hạng mục công trình	Tổng vốn đầu tư	Tổng số nợ đọng (đến 31/07/2017)	Dự kiến số nợ phát sinh trong 6 tháng cuối năm 2017	Dự kiến số nợ giảm trong năm 2017	Dự kiến nợ đến tháng 12/2017	Ghi chú
1	Trường học + Trường mầm non (xây dựng 4 phòng bộ môn, 8 phòng chức năng và mua thiết bị bàn ghế, đồ dùng học tập) + Trường tiểu học (xây dựng mới 8 phòng bộ môn, phòng chức năng và mua thiết bị bàn ghế, đồ dùng học tập)	23.851	1.135		1.135		
	+ Trường THCS (xây dựng 3 phòng bộ môn, 9 phòng chức năng và mua thiết bị bàn ghế, đồ dùng học tập)	15.809		9.902		0	Công trình đang thi công
2	Trụ sở UBND xã (xây mới)	12.268	1.845	5.376	1.845	0	Công trình đang thi công
3	Trạm y tế (xây mới)	9.858		9.858	2.980	0	Công trình đang thi công
	Cộng	67.337	2.980	30.687	5.960	0	Khởi công quý III năm 2017